



Trụ sở chính tại Hà Nội : Số 23/61 đường Trần Duy Hưng  
Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, phường 11  
Chi nhánh Quận 1 - TP.HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng  
Chi nhánh Lạng Sơn : Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu

-Tel: (04)6 251 0008 -Fax: (04)6 251 1327  
-Tel: (08)3 589 7462 -Fax: (08)3 589 7464  
-Tel: (08)3 848 0763 -Fax: (08)3 526 7187  
-Tel: (0511) 3 651 818 -Fax: (0511) 3 651 868  
-Tel: (025)3 718 545 -Fax: (025)3 716 264

Số: 16A /BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
của Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn được lập ngày 21 tháng 02 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty, trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K

Tổng Giám đốc



TỪ QUỲNH HẠNH

Số chứng chỉ KTV: 0313/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN MAI CHUNG

Số chứng chỉ KTV: 1800 KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025 3 870 195 - 3 717 615 Fax: 025 3 872 957

*Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**Mẫu số: B01-DN***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: VND*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã Số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)</b>	<b>100</b>		<b>51.763.979.020</b>	<b>75.849.595.044</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.907.374.282</b>	<b>3.785.233.486</b>
1. Tiền	111	V.01	2.907.374.282	3.785.233.486
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.541.671.606</b>	<b>57.908.888.154</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	14.867.800.808	17.226.191.026
2. Trả trước cho người bán	132		12.622.781.134	40.550.186.155
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	51.089.664	132.510.973
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.543.464.158</b>	<b>14.051.263.205</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	11.543.464.158	14.051.263.205
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.771.468.974</b>	<b>104.210.199</b>
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.596.197.018	19.022.549
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	93.321.956	237.650
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	81.950.000	84.950.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>258.132.903.831</b>	<b>62.822.400.608</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>(2.115.138.005)</b>	<b>(1.323.238.215)</b>
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(2.115.138.005)	(1.323.238.215)
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>256.954.451.836</b>	<b>60.936.840.045</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	50.404.618.478	55.730.636.417
- Nguyên giá	222		138.975.382.461	137.622.347.744
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(88.570.763.983)	(81.891.711.327)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	206.549.833.358	5.206.203.628
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.199.000.000</b>	<b>3.199.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	3.199.000.000	3.199.000.000
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>94.590.000</b>	<b>9.798.778</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	52.190.000	9.798.778
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	42.400.000	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>309.896.882.851</b>	<b>138.671.995.652</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025 3 870 195 - 3 717 615 Fax: 025 3 872 957

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

Mẫu số: B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>257.197.748.880</b>	<b>79.927.993.986</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.954.804.170</b>	<b>21.928.433.402</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	14.712.921.195	8.170.844.796
2. Phải trả người bán	312		55.904.910.765	2.891.041.257
3. Người mua trả tiền trước	313		1.340.663.050	745.194.003
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	456.627.827	192.177.014
5. Phải trả người lao động	315		1.063.452.247	1.437.843.004
6. Chi phí phải trả	316	V.14	826.623.547	1.653.233.547
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	6.533.179.494	6.838.099.781
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		116.426.045	0
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>176.242.944.710</b>	<b>57.999.560.584</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	294.590.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	175.649.683.450	55.568.880.027
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	237.727.415
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17	593.261.260	1.898.363.142
<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>52.699.133.971</b>	<b>58.744.001.667</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>52.699.133.971</b>	<b>58.744.001.667</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.390.000.000	49.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		85.000.000	85.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.117.410.786	3.117.410.786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		852.159.089	220.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.745.435.904)	6.321.590.880
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>309.896.882.851</b>	<b>138.671.995.652</b>

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nông Trung Dũng

Hà Thị Mai

Nguyễn Bình Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025 3 870 195 - 3 717 615 Fax: 025 3 872 957

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

Mẫu số: B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	135.565.315.000	166.830.086.534
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20	19.872.000	58.500.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21	135.545.443.000	166.771.586.534
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	125.404.795.674	141.751.301.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.140.647.326	25.020.284.821
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	33.575.815	108.742.439
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	3.670.566.197	3.177.082.411
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.670.566.197	3.177.082.411
8. Chi phí bán hàng	24		6.339.915.695	7.580.190.556
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.137.798.163	5.501.103.754
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.974.056.914)	8.870.650.539
11. Thu nhập khác	31	VI.25	233.088.945	293.260.112
12. Chi phí khác	32	VI.26	0	3.062.625
13. Lợi nhuận khác	40		233.088.945	290.197.487
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.740.967.969)	9.160.848.026
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	0	833.474.461
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.740.967.969)	8.327.373.566
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Nông Trung Dũng

Kế toán trưởng

Hà Thị Mai

Giám đốc



Nguyễn Bình Sơn



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LẠNG SƠN**

Địa chỉ: Đường Phai Vệ, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 025 3 870 195 - 3 717 615 Fax: 025 3 872 957

**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

Mẫu số: B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	137.923.705.218	154.489.134.996
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(42.659.460.729)	(136.534.269.648)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.893.606.755)	(17.416.355.757)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.497.176.197)	(3.177.082.411)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(205.858.107)	(912.357.288)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.359.993.817	6.412.569.400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.840.330.368)	(39.736.672.670)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>75.187.266.879</b>	<b>(36.875.033.378)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại TSDH khác	21	(202.748.854.447)	(1.045.541.766)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	27.272.727	281.818.168
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.575.815	108.742.439
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(202.688.005.905)</b>	<b>(654.981.159)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	0	6.500.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	190.244.816.422	81.750.154.232
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.621.936.600)	(57.181.922.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>126.622.879.822</b>	<b>31.068.232.206</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(877.859.204)</b>	<b>(6.461.782.331)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.785.233.486</b>	<b>10.247.015.817</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.907.374.282</b>	<b>3.785.233.486</b>

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nông Trung Dũng

Hà Thị Mai

Nguyễn Bình Sơn